|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**Số: /2024/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

Dự thảo

**THÔNG TƯ**

**Quy định hoạt động đại lý thanh toán**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số …/2024/NĐ-CP ngày… tháng… năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hoạt động giao đại lý thanh toán.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hoạt động giao đại lý thanh toán và đại lý cung ứng cung ứng dịch vụ thanh toán bằng đồng Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ngân hàng thương mại.

2. Ngân hàng chính sách.

3. Ngân hàng hợp tác xã.

4. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Quỹ tín dụng nhân dân.

6. Tổ chức tài chính vi mô.

7. Các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có liên quan đến hoạt động đại lý thanh toán.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động đại lý thanh toán là việc bên giao đại lý ủy nhiệm cho bên đại lý để thực hiện một phần quy trình mở tài khoản thanh toán, phát hành thẻ ngân hàng và cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng.

2. Bên giao đại lý thanh toán (sau đây gọi là bên giao đại lý), bao gồm: Ngân hàng thương mại; ngân hàng chính sách; ngân hàng hợp tác xã; chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Bên làm đại lý thanh toán (sau đây gọi là bên đại lý), bao gồm: Ngân hàng thương mại; ngân hàng chính sách; ngân hàng hợp tác xã; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; quỹ tín dụng nhân dân; tổ chức tài chính vi mô; tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức khác).

4. Điểm kinh doanh bên đại lý thanh toán của tổ chức khác (sau đây gọi tắt là điểm đại lý thanh toán) là nơi tiến hành hoạt động đại lý thanh toán. Điểm đại lý thanh toán phải là đơn vị hạch toán phụ thuộc của bên đại lý hoặc là công ty con của bên đại lý, được bên đại lý ủy quyền. Mỗi một điểm kinh doanh được tính là một điểm đại lý thanh toán của bên giao đại lý.

5. Hợp đồng đại lý thanh toán là thỏa thuận giữa bên giao đại lý và bên đại lý về việc cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng.

6. Phí giao đại lý thanh toán là khoản tiền mà bên giao đại lý trả cho bên đại lý để thực hiện nội dung hoạt động được giao đại lý, được hai bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ THANH TOÁN**

**Điều 4. Các nội dung hoạt động đại lý thanh toán**

Bên giao đại lý được giao cho bên đại lý thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ sau:

1. Nhận hồ sơ mở tài khoản thanh toán, kiểm tra, xác minh thông tin nhận biết khách hàng để gửi cho bên giao đại lý và hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán.

2. Nhận hồ sơ phát hành thẻ ngân hàng, kiểm tra, xác minh thông tin khách hàng để gửi cho bên giao đại lý và hướng dẫn khách hàng sử dụng thẻ ngân hàng.

3. Tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng, lập, ký, kiểm soát, xử lý chứng từ giao dịch của khách hàng, chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý, nhận tiền mặt từ khách hàng hoặc trả tiền mặt cho khách hàng nhằm thực hiện các giao dịch:

a) Nộp/rút tiền mặt vào/từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại bên giao đại lý;

b) Nộp tiền mặt vào thẻ trả trước định danh của khách hàng do bên giao đại lý phát hành;

c) Nộp tiền mặt để thanh toán dư nợ thẻ tín dụng của khách hàng do bên giao đại lý phát hành;

d) Thực hiện dịch vụ thanh toán lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu thanh toán của khách hàng thì bên đại lý xử lý chứng từ giao dịch của khách hàng và thực hiện chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý trừ trường hợp xảy ra sự cố hệ thống thông tin.

**Điều 5. Hạn mức giao dịch**

1. Bên giao đại lý phải có các biện pháp quản lý số dư, hạn mức giao dịch của bên đại lý là tổ chức khác, gồm:

a) Hạn mức giao dịch (bao gồm giao dịch nộp và rút tiền mặt) đối với khách hàng cá nhân, tối đa là 20 triệu đồng/khách hàng/ngày;

b) Bên đại lý chỉ được thực hiện giao dịch cho khách hàng trong phạm vi số dư tài khoản thanh toán để thực hiện các nghiệp vụ được giao đại lý của bên đại lý mở tại bên giao đại lý theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này và mỗi một điểm đại lý thanh toán được giao dịch không quá 200 triệu đồng/ngày và tối đa 05 tỷ đồng/tháng.

2. Hạn mức giao dịch của bên đại lý là ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô theo thỏa thuận giữa bên giao đại lý và bên đại lý.

**Điều 6. Hoạt động của bên giao đại lý và bên đại lý**

1. Việc thực hiện hoạt động giao đại lý, làm đại lý của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô phải phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định quy định về tổ chức và hoạt động của cấp có thẩm quyền quyết định và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Quyết định (nếu có).

2. Việc thực hiện hoạt động giao đại lý, làm đại lý của ngân hàng chính sách phải phù hợp với quy định của Chính phủ.

3. Quỹ tín dụng nhân dân được làm đại lý cho ngân hàng hợp tác xã đối với thành viên, khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân đó.

4. Tổ chức tài chính vi mô được làm đại lý cho ngân hàng đối với khách hàng của tổ chức tài chính vi mô đó.

5. Tổ chức khác là doanh nghiệp thành lập hợp pháp và không có dư nợ bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân loại vào nhóm nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước được làm đại lý theo thỏa thuận với bên giao đại lý. Tổ chức khác chỉ được làm đại lý cho 01 bên giao đại lý.

**Điều 7. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đại lý thanh toán**

1. Hoạt động giao đại lý thanh toán phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản giữa bên giao đại lý và bên đại lý theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bên giao đại lý được giao cho bên đại lý thực hiện các nghiệp vụ quy định tại Điều 4 Thông tư này và phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định quy định về tổ chức và hoạt động của cấp có thẩm quyền quyết định và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Quyết định (nếu có).

3. Bên đại lý là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, tổ chức khác không được phép giao đại lý lại cho bên thứ ba.

4. Bên đại lý là tổ chức khác phải mở và duy trì tài khoản thanh toán tại bên giao đại lý để thực hiện các nghiệp vụ được giao đại lý trong phạm vi số dư do bên giao đại lý và bên đại lý thỏa thuận; tài khoản thanh toán này phải được tách biệt với các tài khoản thanh toán phục vụ cho các hoạt động, mục đích khác của bên làm đại lý mở tại bên giao đại lý, trừ trường hợp bên đại lý chỉ thực hiện nghiệp vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

5. Bên giao đại lý thu phí của khách hàng thông qua bên đại lý theo mức phí không cao hơn mức phí mà bên giao đại lý cung ứng dịch vụ cho khách hàng đang áp dụng. Bên giao đại lý và bên đại lý không được thu thêm các loại phí ngoài biểu phí do bên giao đại lý quy định và công bố. Biểu phí dịch vụ của bên giao đại lý phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và được niêm yết công khai tại các địa điểm giao dịch với khách hàng của bên đại lý và trên trang thông tin điện tử của bên đại lý (nếu có).

6. Bên giao đại lý và bên đại lý phải có cam kết bảo mật thông tin khách hàng phù hợp quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Bên giao đại lý được phép ký kết hợp đồng giao đại lý thanh toán với tổ chức khác trên phạm vi toàn quốc. Số lượng điểm đại lý thanh toán của các tổ chức khác phải đảm bảo số lượng điểm đại lý thanh toán trên các địa bàn cấp huyện (không bao gồm quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương) tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chiếm trên 70% số lượng điểm đại lý thanh toán của bên giao đại lý.

8. Số lượng đại lý thanh toán là ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do bên giao đại lý tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của bên giao đại lý.

**Điều 8. Các nội dung quy định trong hợp đồng hoạt động giao đại lý thanh toán**

1. Hợp đồng hoạt động giao đại lý thanh toán phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của bên giao đại lý, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của bên giao đại lý;

b) Tên, địa chỉ của bên đại lý, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của bên đại lý;

c) Phạm vi giao đại lý, trong đó bao gồm các nội dung hoạt động được giao đại lý và hạn mức áp dụng đối với khách hàng, hạn mức áp dụng đối với bên đại lý;

d) Thời hạn giao đại lý;

đ) Thời gian giao dịch hàng ngày và giờ làm việc;

e) Phí giao đại lý;

g) Quyền, nghĩa vụ của bên giao đại lý, bên đại lý;

h) Chấm dứt hợp đồng.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các bên được thỏa thuận các nội dung khác tại hợp đồng hoạt động giao đại lý thanh toán theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của bên giao đại lý**

1. Bên giao đại lý có các quyền sau:

a) Lựa chọn đối tượng để hợp tác, ký kết hợp đồng đại lý thanh toán;

b) Quy định và áp dụng các tiêu chí để lựa chọn đối tượng để giao đại lý;

c) Thỏa thuận với bên đại lý về nội dung đại lý và phí đại lý;

d) Yêu cầu bên đại lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về tình hình, kết quả thực hiện hợp đồng đại lý;

đ) Yêu cầu bên đại lý thanh toán các lợi ích hợp pháp phát sinh từ việc thực hiện nội dung đại lý quy định tại hợp đồng đại lý;

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng đại lý của bên đại lý;

g) Được quyền chấm dứt hợp đồng đại lý nếu bên đại lý vi phạm hợp đồng đại lý.

h) Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng đại lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên giao đại lý có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bên giao đại lý phải quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hoạt động đại lý do bên đại lý thực hiện;

b) Bên giao đại lý có trách nhiệm công bố công khai danh sách các bên đại lý đã ký kết hợp đồng (bao gồm điểm đại lý thanh toán) trên trang thông tin điện tử và ứng dụng của bên giao đại lý;

c) Bên giao đại lý phải ban hành văn bản hướng dẫn, đào tạo bên đại lý về hoạt động đại lý thanh toán đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, thường xuyên cập nhật theo các quy định pháp luật có liên quan và thực tiễn hoạt động để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện, hướng dẫn bên đại lý thông báo công khai các hoạt động được giao đại lý tại trụ sở chính, mạng lưới hoạt động;

d) Bên giao đại lý phải hướng dẫn bên đại lý quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng theo đúng quy trình mà bên giao đại lý đang thực hiện; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng của bên đại lý và tuân thủ quy định về nhận biết khách hàng tại Luật Phòng, chống rửa tiền;

đ) Bên giao đại lý phải đánh giá rủi ro để xác định phạm vi giao dịch, hạn mức giao dịch đối với tài khoản thanh toán của khách hàng được nhận biết, xác minh thông qua đại lý;

e) Bên giao đại lý thỏa thuận với bên đại lý về việc xây dựng, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo xử lý giao dịch được thông suốt và thực hiện giám sát hoạt động đại lý của bên đại lý; bên giao đại lý phải chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật hệ thống thông tin, bảo vệ quyền lợi khách hàng, bảo vệ các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng và thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Bên giao đại lý có trách nhiệm quản lý số dư, hạn mức giao dịch của bên đại lý là tổ chức khác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

h) Trong trường hợp bên đại lý vi phạm hợp đồng đại lý thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng thì bên giao đại lý vẫn phải chịu trách nhiệm với khách hàng;

i) Có cơ chế, biện pháp để bảo vệ khách hàng, trong đó, phải duy trì việc tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại của khách hàng tại các địa điểm đại lý thanh toán; đồng thời thiết lập, duy trì đường dây nóng liên tục 24/7 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin, khiếu nại của khách hàng;

k) Bên giao đại lý có trách nhiệm thu thập, đối chiếu và lưu trữ toàn bộ dữ liệu, chứng từ giao dịch phát sinh tại bên đại lý theo quy định của pháp luật có liên quan;

l) Thanh toán phí đại lý và lợi ích hợp pháp khác cho bên đại lý theo quy định tại Hợp đồng đại lý;

m) Bên giao đại lý phải xây dựng, ban hành quy định nội bộ về giao đại lý thanh toán đảm bảo an toàn hoạt động.

n) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng đại lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên đại lý**

1. Bên đại lý có các quyền sau:

a) Từ chối các yêu cầu của bên giao đại lý không được quy định tại hợp đồng đại lý hoặc không đúng quy định pháp luật;

b) Yêu cầu bên giao đại lý hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung đại lý;

c) Hưởng phí đại lý và lợi ích hợp pháp khác (nếu có) quy định tại hợp đồng đại lý;

d) Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng đại lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên đại lý có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện đúng các nội dung hoạt động được giao đại lý quy định tại Điều 4 Thông tư này và thỏa thuận tại Hợp đồng đại lý thanh toán.

b) Thông báo kịp thời, đầy đủ cho bên giao đại lý về tình hình thực hiện nội dung đại lý theo quy định tại hợp đồng đại lý;

c) Thanh toán cho bên giao đại lý các lợi ích hợp pháp phát sinh từ việc thực hiện nội dung đại lý quy định tại hợp đồng đại lý;

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên giao đại lý đối với việc thực hiện nội dung đại lý;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng và thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong quá trình làm đại lý;

e) Liên đới chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong trường hợp do lỗi của bên đại lý; có trách nhiệm bồi hoàn cho bên giao đại lý các khoản tiền đền bù mà bên giao đại lý đã chi trả, bồi thường cho khách hàng thay cho bên đại lý các tổn thất, thiệt hại của khách hàng phát sinh từ việc bên đại lý vi phạm hợp đồng đại lý thanh toán;

g) Trong quá trình làm đại lý, bên đại lý phải thực hiện theo dõi, quản lý tiền, tài sản của bên giao đại lý (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật, không được sử dụng tiền, tài sản cho các mục đích kinh doanh khác.

h) Tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại của khách hàng và phối hợp với bên giao đại lý để xử lý tra soát, khiếu nại theo thời hạn quy định phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan;

i) Xây dựng quy trình nội bộ để quản lý rủi ro đối với từng hoạt động đại lý cụ thể; có cơ sở vật chất, mạng lưới và đội ngũ cán bộ có trình độ, chuyên môn, kỹ thuật để đảm bảo thực hiện nội dung đại lý hoặc theo yêu cầu của bên giao đại lý;

k) Thông báo cho bên giao đại lý trong trường hợp tạm ngừng giao dịch với khách hàng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ quá 04 giờ trong thời gian giao dịch hàng ngày, nêu rõ lý do và phương án xử lý để đảm bảo hoạt động đại lý không bị gián đoạn;

l) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng đại lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chương III**

**BÁO CÁO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin**

1. Tối thiểu 30 ngày trước khi triển khai thực hiện hoạt động giao đại lý thanh toán, bên giao đại lý thanh toán phải gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn có trụ sở chính của bên giao đại lý và trên các địa bàn có các điểm đại lý thanh toán) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin chi tiết về bên đại lý, cách thức hợp tác, phạm vi đại lý, thời hạn giao đại lý, cách thức quản lý các điểm đại lý thanh toán.

2. Định kỳ hàng quý, bên giao đại lý phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động giao đại lý theo Phụ lục đính kèm về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán) để theo dõi.

3. Khi ngừng thực hiện hoạt động giao đại lý thanh toán với một bên, bên giao đại lý phải gửi thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn có trụ sở chính của bên giao đại lý và trên các địa bàn có các điểm đại lý thanh toán ngừng hoạt động) để theo dõi, giám sát và đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình.

**Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Vụ Thanh toán

a) Theo dõi tình hình thực hiện và tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Làm đầu mối tiếp nhận và theo dõi các báo cáo, thông báo của bên giao đại lý thanh toán theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

c) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện thanh tra việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền về hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động giao đại lý thanh toán và/hoặc đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán vào Giấy phép hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Vụ Thanh toán, các đơn vị có liên quan.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 12;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Ban Lãnh đạo NHNN;- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;- Công báo;- Cổng thông tin điện tử NHNN;- Lưu: VT, PC, TT (5b). |  | **THỐNG ĐỐC** |